

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN BẮNG

Số: 01/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Bàng, ngày 02 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách xã và hoạt động tài chính khác năm 2024 trình Hội đồng nhân dân xã

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015, Luật bổ sung sửa đổi một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ chỉ tiêu giao thu, giao chi của UBND huyện và bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đảng bộ nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính ngân sách xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách xã và hoạt động tài chính khác năm 2024 được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn.

A. Tổng dự toán thu ngân sách xã: 6.507.000.000 đồng

(Sáu tỷ năm trăm linh bảy triệu đồng)

Trong đó: - Các khoản thu trên địa bàn: 860.000.000 đồng

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 5.647.000.000 đồng

B. Tổng dự toán chi ngân sách xã: 6.507.000.000 đồng

(Sáu tỷ năm trăm linh bảy triệu đồng)

Trong đó: - Chi đầu tư phát triển: 675.000.000 đồng

- Chi thường xuyên 5.709.000.000 đồng

- Dự phòng: 123.000.000 đồng

(Chi tiết số liệu theo biểu mẫu đính kèm)

Điều 2. Giao bộ phận tài chính ngân sách xã chủ trì phối hợp với các ngành liên quan tổ chức công khai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Văn phòng Ủy ban nhân dân xã; Bộ phận tài chính ngân sách xã và Thủ trưởng các ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Uông Thị Kim Yến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Sơn Bằng, ngày 02 tháng 01 năm 2024

BIÊN BẢN

**Về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách và hoạt động tài chính khác
năm 2024 trình Hội đồng nhân dân xã**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: 01 /QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND xã Sơn Bằng về việc công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách xã và hoạt động tài chính khác năm 2024 trình Hội đồng nhân dân xã;

Hôm nay, vào hồi 8h ngày 02/01/2024 tại trụ sở UBND xã Sơn Bằng tiến hành lập biên bản niêm yết công khai dự toán thu, chi ngân sách và hoạt động tài chính khác năm 2024 trình Hội đồng nhân dân xã, cụ thể như sau:

1. Thành phần bao gồm:

- | | |
|-------------------------|--------------------------------------|
| - Bà Ưông Thị Kim Yến- | Chức vụ: Chủ tịch UBND xã; |
| - Ông Hồ Trọng Đức - | Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐND xã; |
| - Bà Nguyễn Thị Tuyết - | Chức vụ: Chủ tịch UBMT xã; |
| - Bà Nguyễn Thị Mai - | Chức vụ: CC tài chính - Kế toán; |
| - Bà Nguyễn Thị Thúy - | Chức vụ: CC tài chính - Kế toán; |
| - Bà Phạm Thị Hải Quý - | Chức vụ: CC Văn phòng TK, TC cán bộ; |

2. Nội dung:

2.1. Công khai dự toán thu, chi ngân sách và hoạt động tài chính khác năm 2024 trình Hội đồng nhân dân xã (*Chi tiết có biểu mẫu số liệu đính kèm biên bản*)

2.2. Hình thức công khai: Niêm yết tại một cửa trụ sở UBND xã và Cổng thông tin điện tử xã.

2.3. Thời gian công khai: Từ ngày 02/01/2024 đến ngày 02/02/2024

2.4. Địa điểm công khai: Tại Trụ sở UBND xã; Cổng thông tin điện tử xã.

2.5. Giao bộ phận tài chính ngân sách xã phối hợp với Văn phòng UBND xã tổng hợp các ý kiến phản hồi trong quá trình công khai.

Buổi làm việc kết thúc vào hồi 10 giờ cùng ngày, các thành phần tham gia được thông qua và cùng thống nhất các nội dung./.

LẬP BIÊN BẢN

**ĐẠI DIỆN HĐND
PHÓ CHỦ TỊCH**

**ĐẠI DIỆN UBND XÃ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hải Quý



CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA

**ĐẠI DIỆN UBMT XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thúy *Nguyễn Thị Mai*



Nguyễn Thị Tuyết



UBND Xã: Sơn Bang

Biểu số 103/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.507.000.000	TỔNG SỐ CHI	6.507.000.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	91.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	675.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	769.000.000	II. Chi thường xuyên	5.709.000.000
III. Thu bổ sung	5.647.000.000	III. Dự phòng	123.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.647.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

UBND xã Sơn Bằng

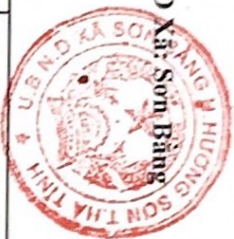
Biểu số 104/CK TC - NSNN

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

STT	NỘI DUNG	Ước THỰC HIỆN NĂM 2023		Dự TOÁN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		(năm hiện hành)		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		1	2			5 = 3/1	6 = 4/2
A	Tổng số thu	11.178.693.549	9.782.214.094	7.477.000.000	6.507.000.000	66,89	66,52
I	Các khoản thu 100%	83.939.000	83.939.000	91.000.000	91.000.000	108,41	108,41
1	Phí, lệ phí	13.640.000	13.640.000	15.000.000	15.000.000	109,97	109,97
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	70.299.000	70.299.000	70.000.000	70.000.000	99,57	99,57
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác			6.000.000	6.000.000		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.479.409.346	1.082.929.891	1.739.000.000	769.000.000	70,14	71,01
I	Các khoản thu phân chia	33.122.450	27.941.002	30.000.000	24.000.000	90,57	85,90
1.1	Thu sử dụng đất phi nông nghiệp	115.200	115.200			0,00	0,00
1.2	Thu sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	7.100.000	7.100.000			0,00	0,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	25.907.250	20.725.802	30.000.000	24.000.000	115,80	115,80
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.446.286.896	1.053.484.670	1.709.000.000	745.000.000	69,86	70,72
2.1	Thu tiền sử dụng đất	2.132.033.050	959.414.873	1.500.000.000	675.000.000	70,36	70,36
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước	17.367.077	5.210.124	9.000.000	3.000.000	51,82	57,38
2.3	Thu tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	219.924.199	74.971.376	146.000.000	29.000.000	66,39	38,68
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.441.485	13.888.297	54.000.000	38.000.000	77,76	273,61
2.6	Thuế thu nhập cá nhân						
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
2.8	Thu khác ngân sách	7.521.085	1.504.219			0,00	0,00
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2
A	B	1	2	3	4		
IV	Thu chuyển nguồn	313.103.450	313.103.450			0,00	0,00
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	1.109.453	1.109.453			0,00	0,00
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.301.132.300	8.301.132.300	5.647.000.000	5.647.000.000	68,03	68,03
1	Thu bổ sung cân đối	4.277.701.700	4.277.701.700	5.647.000.000	5.647.000.000	132,01	132,01
2	Thu bổ sung có mục tiêu	4.023.430.600	4.023.430.600				





UBND Xã: Sơn Bằng

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Biểu số 105/CK TC - NSNN

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2024			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	4.878.326.000	225.000.000	4.653.326.000	6.507.000.000	675.000.000	5.832.000.000	133,39	300,00	125,33
	Trong đó:				0					
1	Chi giáo dục	9.000.000		9.000.000	18.000.000		18.000.000	200,00		200,00
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				0					#DIV/0!
3	Chi y tế	35.820.000		35.820.000	36.900.000		36.900.000	103,02		103,02
4	Chi văn hóa, thông tin	43.000.000		43.000.000	43.000.000		43.000.000	100,00		100,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	20.000.000		20.000.000	100.000.000		100.000.000	500,00		500,00
6	Chi thể dục, thể thao	18.000.000		18.000.000	18.000.000		18.000.000	100,00		100,00
7	Chi bảo vệ môi trường	30.000.000		30.000.000	27.000.000		27.000.000	90,00		90,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	70.000.000		70.000.000	95.000.000		95.000.000	135,71		135,71
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.208.087.000	225.000.000	3.983.087.000	5.731.220.000	675.000.000	5.056.220.000	136,20	300,00	126,94
10	Chi cho công tác xã hội	320.257.000		320.257.000	314.880.000		314.880.000	98,32		98,32
11	Chi khác				0					#DIV/0!
12	Dự phòng	124.162.000		124.162.000	123.000.000		123.000.000	99,06		99,06



Biểu số 107/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024
(Dự toán trình hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2023			Kế hoạch năm 2024		
		Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)
	TỔNG SỐ	206.448.588	157.910.120	48.538.468	151.650.000	151.650.000	0
I	Các loại quỹ thu tại xã	52.726.405	40.439.120	12.287.285	40.000.000	40.000.000	0
1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	18.354.702	18.306.000	48.702	15.000.000	15.000.000	0
2	Quỹ BTTE	16.763.892	14.720.000	2.043.892	15.000.000	15.000.000	0
3	Quỹ PCTT	13.600.000	7.413.120	6.186.880	10.000.000	10.000.000	0
4	Nhà bia liệt sỹ	4.007.811		4.007.811	0	0	0
II	Hoạt động tài chính khác	153.722.183	117.471.000	36.251.183	111.650.000	111.650.000	0
1	Thù lao báo tăng giảm BHYT	636.806	354.000	282.806	450.000	450.000	0
	Hoạt động đền Phức Lai	55.000	20.000	35.000	1.200.000	1.200.000	0
2	Ngoi nhà trí tuệ	46.800	0	46.800	0	0	0
3	Bến phượng, công chào	15.886.577		15.886.577	0	0	0
4	Quỹ vì người nghèo	20.000.000	0	20.000.000	0	0	0
5	Quà tết người cao tuổi	26.300.000	26.300.000	0	25.000.000	25.000.000	0
6	Quà 27/7	63.900.000	63.900.000	0	60.000.000	60.000.000	0
7	Hỗ trợ tiền điện các đối tượng hộ nghèo, BTXH đến quý 3/2023	26.897.000	26.897.000	0	25.000.000	25.000.000	0